



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Thành phố Hồ Chí Minh

Số 77

Ngày 01 tháng 9 năm 2018

MỤC LỤC

Trang

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

- | | | |
|------------|---|----|
| 12-7-2018- | Nghị quyết số 05/2018/NQ-HĐND về ban hành mức thu phí thư viện tại Thư viện khoa học Tổng hợp thành phố. | 4 |
| 12-7-2018- | Nghị quyết số 06/2018/NQ-HĐND ban hành Quy định về nội dung và mức chi của các cuộc điều tra thống kê do ngân sách thành phố bảo đảm. | 7 |
| 12-7-2018- | Nghị quyết số 07/2018/NQ-HĐND ban hành mức chi đón tiếp, thăm hỏi, chúc mừng đối với một số đối tượng do Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố, quận - huyện thực hiện trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. | 15 |

- 12-7-2018- Nghị quyết số 08/2018/NQ-HĐND về ban hành mức chi hỗ trợ Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp xã và Ban công tác Mặt trận ở khu dân cư thực hiện Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”. 19
- 12-7-2018- Nghị quyết số 09/2018/NQ-HĐND về ban hành Quy định mức chi trong việc tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo của nông dân theo quy định tại Quyết định số 81/2014/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. 21
- 12-7-2018- Nghị quyết số 10/2018/NQ-HĐND về ban hành Quy định mức phân bổ kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật trên địa bàn thành phố. 28
- 12-7-2018- Nghị quyết số 11/2018/NQ-HĐND ban hành quy định về mức chi bảo đảm cho công tác điều ước quốc tế và công tác thỏa thuận quốc tế trên địa bàn thành phố. 32
- 12-7-2018- Nghị quyết số 12/2018/NQ-HĐND ban hành chính sách hỗ trợ xây dựng công trình xử lý chất thải chăn nuôi giai đoạn 2018 - 2020. 41
- 12-7-2018- Nghị quyết số 13/2018/NQ-HĐND về chính sách hỗ trợ đối với công chức, viên chức, người lao động tại các cơ sở bảo trợ xã hội công lập, khu điều trị phong Bến Sắn. 44
- 12-7-2018- Nghị quyết số 14/2018/NQ-HĐND về chính sách hỗ trợ cho ngành y tế, giáo dục trên địa bàn huyện Cần Giờ. 47

PHẦN VĂN BẢN KHÁC

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

- 12-7-2018- Nghị quyết số 10/NQ-HĐND về Chương trình phát triển nhà ở Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2016-2025. 49
- 12-7-2018- Nghị quyết số 14/NQ-HĐND về nhiệm vụ kinh tế - văn hóa - xã hội 6 tháng cuối năm 2018. 54

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ****HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 05 /2018/NQ-HĐND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 7 năm 2018

NGHỊ QUYẾT**Về ban hành mức thu phí thư viện
tại Thư viện khoa học Tổng hợp thành phố****HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ CHÍN
(Từ ngày 10 đến ngày 12 tháng 7 năm 2018)***Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;**Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;**Căn cứ Luật Phí và Lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;**Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Phí và Lệ phí;**Căn cứ Quyết định số 170/2003/QĐ-TTg ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ về “Chính sách ưu đãi hưởng thụ văn hóa”;**Căn cứ Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Người khuyết tật;**Căn cứ Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;*

Xét Tờ trình số 2696/TTr-UBND ngày 18 tháng 6 năm 2018 của Ủy ban nhân dân thành phố về mức thu phí thư viện tại Thư viện Khoa học Tổng hợp thành phố; Báo cáo thẩm tra số 392/BC-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2018 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân thành phố; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành mức thu phí thư viện tại Thư viện Khoa học Tổng hợp thành phố, cụ thể:

1. Đối tượng và phạm vi áp dụng:

- Đối tượng: các cơ quan, tổ chức, cá nhân khai thác và sử dụng các dịch vụ của Thư viện Khoa học Tổng hợp thành phố.

- Phạm vi áp dụng: Thư viện Khoa học Tổng hợp thành phố.

2. Mức thu:

- Thẻ đọc: 20.000 đồng/năm.

- Thẻ mượn: 20.000 đồng/năm.

3. Các đối tượng được miễn, giảm phí thư viện:

a) Miễn phí thư viện đối với các trường hợp:

- Người khuyết tật đặc biệt nặng theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Người khuyết tật.

- Người cao tuổi theo quy định tại Nghị định số 06/2011/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Người cao tuổi.

- Hộ nghèo theo quy định hiện hành về chuẩn hộ nghèo của thành phố.

- Trẻ em từ 06 tuổi đến dưới 16 tuổi.

b) Giảm 50% mức thu phí thư viện đối với các trường hợp:

- Các đối tượng được hưởng chính sách ưu đãi hưởng thụ văn hóa quy định tại Điều 2 Quyết định số 170/2003/QĐ-TTg ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ về “Chính sách ưu đãi hưởng thụ văn hóa”. Trường hợp khó xác định là

đối tượng được hưởng chính sách ưu đãi hưởng thụ văn hóa quy định tại Điều 2 Quyết định số 170/2003/QĐ-TTg thì chỉ cần có giấy xác nhận của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi đối tượng cư trú.

- Người khuyết tật nặng theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Người khuyết tật.

Trường hợp người vừa thuộc diện hưởng chính sách ưu đãi hưởng thụ văn hóa vừa thuộc diện người khuyết tật nặng thì chỉ được giảm 50% mức thu phí thư viện.

4. Cơ quan tổ chức thu phí: Thư viện Khoa học Tổng hợp thành phố.

5. Tỷ lệ để lại: 100% số tiền phí thu được.

6. Quản lý phí và sử dụng nguồn thu:

Số tiền thu phí để lại đơn vị được sử dụng để trang trải chi phí theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và Lệ phí.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân thành phố:

1. Tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo quy định pháp luật.

2. Quan tâm đầu tư các dự án nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất cho Thư viện Khoa học Tổng hợp thành phố (như: cảnh quan, bãi xe, khu vực dịch vụ, máy lạnh, khu vui chơi giải trí dành cho trẻ em...) nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao và đa dạng của các đối tượng đến với thư viện; cũng như tăng cường công tác phối hợp giữa các ngành (văn hóa, giáo dục, du lịch...) với Thư viện để quảng bá, phát triển văn hóa đọc trong thời gian tới.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, các Ban, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát chặt chẽ quá trình tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Hồ Chí Minh khóa IX, kỳ họp thứ chín thông qua ngày 12 tháng 7 năm 2018 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 8 năm 2018./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Quyết Tâm

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số 06/2018/NQ-HĐND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 7 năm 2018

NGHỊ QUYẾT

**Ban hành Quy định về nội dung và mức chi của
các cuộc điều tra thống kê do ngân sách thành phố bảo đảm**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ CHÍN
(Từ ngày 10 đến ngày 12 tháng 7 năm 2018)**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Thông tư 109/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc Quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê, Tổng điều tra thống kê quốc gia;

Xét Tờ trình số 2799/TTr-UBND ngày 25 tháng 6 năm 2018 của Ủy ban nhân dân thành phố về dự thảo nghị quyết ban hành Quy định về nội dung và mức chi của các cuộc điều tra thống kê do ngân sách thành phố bảo đảm; Báo cáo thẩm tra số 411/BC-HĐND ngày 09 tháng 7 năm 2018 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân thành phố; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định về nội dung và mức chi của các cuộc điều tra thống kê do ngân sách thành phố đảm bảo.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân thành phố:

1. Tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết thống nhất trên địa bàn thành phố theo quy định pháp luật; Quy định mức chi cụ thể đối với một số nội dung chi được quy định

theo mức tối đa tại Quy định kèm theo Nghị quyết này đảm bảo phù hợp với quy mô, tính chất, tình hình thực tế, tiết kiệm và hiệu quả.

2. Trong trường hợp cần thiết do yêu cầu tính chất phức tạp của cuộc Điều tra thống kê theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 109/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính, Ủy ban nhân dân thành phố trình Hội đồng nhân dân thành phố quyết định một số mức chi cao nhưng không vượt quá 20% mức chi quy định tại Điều 3 Thông tư này.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, các Ban, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát chặt chẽ quá trình tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh khóa IX, kỳ họp thứ chín thông qua ngày 12 tháng 7 năm 2018 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 8 năm 2018./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Quyết Tâm

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

**về nội dung và mức chi của các cuộc điều tra thống kê
do ngân sách thành phố đảm bảo**

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 06/2018/NQ-HĐND

ngày 12 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về nội dung và mức chi thực hiện các cuộc điều tra thống kê do ngân sách thành phố đảm bảo.

2. Đối tượng áp dụng

Các cá nhân, cơ quan, đơn vị liên quan đến cuộc điều tra thống kê do ngân sách thành phố đảm bảo.

Điều 2. Nội dung và mức chi

1. Chi hỗ trợ cơ quan chủ trì tổ chức điều tra thống kê xây dựng phương án điều tra thống kê, lập mẫu phiếu điều tra thống kê và tổng hợp, phân tích, đánh giá kết quả điều tra thống kê theo phương thức khoán. Mức khoán (đã bao gồm chi hội nghị, họp hội đồng thẩm định, nghiệm thu, chi thuê chuyên gia chọn mẫu điều tra thống kê và các khoản chi khác liên quan trực tiếp đến phương án điều tra thống kê, lập mẫu phiếu điều tra thống kê và tổng hợp, phân tích, đánh giá kết quả điều tra thống kê) như sau:

a) Chi xây dựng phương án điều tra thống kê và lập mẫu phiếu điều tra thống kê: Tối đa 30 triệu đồng;

b) Chi tổng hợp, phân tích, đánh giá kết quả điều tra thống kê: Tối đa 10 triệu đồng.

Tùy theo quy mô, tính chất của cuộc điều tra thống kê, Thủ trưởng cơ quan chủ trì tổ chức điều tra thống kê quyết định mức khoán cụ thể đối với mỗi hoạt động nêu trên cho phù hợp. Thủ trưởng cơ quan đơn vị được giao khoán được quyết định nội

dung và mức chi trong phạm vi kinh phí được giao khoán.

2. Chi xây dựng sổ tay nghiệp vụ cho điều tra viên thống kê theo quyết định của cấp có thẩm quyền: Nội dung và mức chi áp dụng theo quy định về chi biên soạn giáo trình đào tạo cho các ngành đào tạo trung cấp chuyên nghiệp theo quy định tại Thông tư số 123/2009/TT-BTC ngày 17 tháng 6 năm 2009 của Bộ Tài chính quy định nội dung chi, mức chi xây dựng chương trình khung và biên soạn chương trình, giáo trình các môn học đối với các ngành đào tạo Đại học, Cao đẳng, Trung cấp chuyên nghiệp.

3. Chi in tài liệu hướng dẫn điều tra thống kê, sổ tay nghiệp vụ cho điều tra viên thống kê, phiếu điều tra thống kê, biểu mẫu điều tra thống kê, xuất bản ấn phẩm điều tra thống kê (nếu có): Thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành về đấu thầu mua sắm thường xuyên nhằm duy trì hoạt động của các cơ quan, đơn vị của Nhà nước.

4. Chi tập huấn nghiệp vụ điều tra thống kê các cấp: Nội dung và mức chi thực hiện theo Nghị quyết số 13/2017/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quy định về mức chi chế độ công tác phí và chế độ tổ chức hội nghị trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Chi tiền công:

a) Tiền công thuê ngoài:

- Các nội dung chi thuê ngoài: Rà soát, lập danh sách đối tượng được điều tra thống kê (chỉ thực hiện trong trường hợp cần thiết phải thuê ngoài đối với cuộc điều tra thống kê được tiến hành điều tra thống kê lần đầu tiên hoặc các cuộc điều tra thống kê có thay đổi về đối tượng được điều tra thống kê theo quy định của phương án điều tra thống kê), thu thập số liệu điều tra thống kê, phúc tra phiếu điều tra thống kê, phiên dịch tiếng dân tộc kiêm dẫn đường, thuê người dẫn đường không phải phiên dịch.

- Về mức chi: Mức tiền công bình quân thuê ngoài để thực hiện các công việc nêu trên được tính theo mức tiền lương tối thiểu vùng cao nhất tính theo ngày do Nhà nước quy định tại thời điểm tiến hành điều tra thống kê. Trong phạm vi dự toán được giao, tùy vào địa bàn cụ thể, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị chủ trì điều tra thống kê quy định mức thanh toán tiền công thực hiện các công việc nêu trên cho phù hợp.

Riêng đối với tiền công của người dẫn đường không phải phiên dịch: Mức chi bằng 70% mức tiền công thuê người phiên dịch kiêm dẫn đường.

b) Trường hợp công chức Văn phòng - Thống kê cấp xã, phường, thị trấn tham

gia rà soát, lập danh sách đơn vị được điều tra thống kê, thu thập số liệu điều tra thống kê, phúc tra phiếu điều tra thống kê được chi hỗ trợ bằng 50% mức tiền công thuê điều tra viên thống kê quy định tại Điểm a Khoản 5 Điều này;

c) Trường hợp cuộc điều tra thống kê có nội dung điều tra chuyên sâu, phức tạp, không sử dụng điều tra viên thống kê thuê ngoài mà sử dụng công chức, viên chức của cơ quan, đơn vị để thực hiện điều tra thống kê thì được thanh toán không quá 50% mức tiền công thuê điều tra viên thống kê quy định tại Điểm a Khoản 5 Điều này.

Đối với trường hợp công chức, viên chức của cơ quan, đơn vị thực hiện điều tra thống kê ngoài giờ hành chính thì được thanh toán tối đa không quá mức tiền công thuê điều tra viên thống kê quy định tại Điểm a Khoản 5 Điều này và không được thanh toán tiền lương làm ngoài giờ, phụ cấp công tác phí.

Thủ trưởng cơ quan, đơn vị chủ trì điều tra thống kê quyết định cử người có chuyên môn nghiệp vụ thống kê, có kinh nghiệm khai thác thông tin tham gia thu thập thông tin điều tra thống kê, phúc tra phiếu điều tra thống kê (ngoài nhiệm vụ thường xuyên) theo yêu cầu của phương án điều tra thống kê.

d) Căn cứ phương án điều tra thống kê được phê duyệt, thủ trưởng cơ quan chủ trì tổ chức điều tra thống kê thực hiện khoán tiền công điều tra thống kê quy định tại Điểm a, b và c Khoản này theo số phiếu điều tra thống kê phù hợp với địa bàn điều tra thống kê. Việc thanh toán tiền cho điều tra viên thống kê căn cứ biên bản nghiệm thu số lượng, chất lượng phiếu điều tra thống kê và số tiền công theo phiếu điều tra thống kê.

6. Chi công tác kiểm tra, giám sát hoạt động điều tra thống kê, phúc tra phiếu điều tra thống kê: Nội dung và mức chi thực hiện theo chế độ công tác phí quy định tại Nghị quyết số 13/2017/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

7. Chi cho đối tượng cung cấp thông tin; mức chi cụ thể như sau:

a) Đối với cá nhân:

- Dưới 30 chỉ tiêu hoặc 30 chỉ tiêu: Tối đa 40.000 đồng/phiếu.
- Trên 30 chỉ tiêu đến 40 chỉ tiêu: Tối đa 50.000 đồng/phiếu.
- Trên 40 chỉ tiêu: Tối đa 60.000 đồng/phiếu.

b) Đối với tổ chức (không bao gồm các cơ quan, đơn vị của nhà nước thực hiện

cung cấp thông tin theo quy định):

- Dưới 30 chỉ tiêu hoặc 30 chỉ tiêu: Tối đa 85.000 đồng/phiếu.
- Trên 30 chỉ tiêu đến 40 chỉ tiêu: Tối đa 100.000 đồng/phiếu.
- Trên 40 chỉ tiêu: Tối đa 115.000 đồng/phiếu.

Căn cứ vào hình thức cung cấp thông tin, Thủ trưởng cơ quan chủ trì điều tra thống kê quyết định mức hỗ trợ cụ thể cho phù hợp. Trường hợp đối tượng cung cấp thông tin là các cơ quan, đơn vị của Nhà nước mức chi hỗ trợ cung cấp thông tin bằng 50% mức chi quy định tại Điểm b, Khoản này.

8. Chi vận chuyển tài liệu điều tra thống kê, thuê xe phục vụ điều tra thống kê thực địa: Thanh toán theo giá ghi trên vé, hóa đơn mua vé, hóa đơn và hợp đồng vận chuyển. Trường hợp vận chuyển ở địa bàn không có phương tiện vận tải của tổ chức, cá nhân kinh doanh vận tải hành khách theo quy định của pháp luật mà phải thuê phương tiện vận tải khác thì thủ trưởng cơ quan, đơn vị điều tra thống kê xem xét quyết định cho thanh toán tiền thuê phương tiện vận chuyển trên cơ sở hợp đồng thuê phương tiện hoặc giấy biên nhận với chủ phương tiện theo mức giá thuê trung bình thực tế ở địa phương trong phạm vi dự toán được giao hoặc thanh toán tối đa bằng 0,2 lít xăng/km tính theo khoảng cách địa giới hành chính và giá xăng tại thời điểm sử dụng.

9. Chi xử lý kết quả điều tra thống kê:

a) Nghiệm thu, kiểm tra, đánh mã số, làm sạch và hoàn thiện phiếu điều tra thống kê: Thực hiện khoán tiền công trên cơ sở tiền thù lao thuê điều tra viên thống kê thu thập số liệu; mức khoán cụ thể tùy theo tính chất phức tạp của phiếu điều tra thống kê trong các cuộc điều tra thống kê, nhưng tối đa không quá 7% tiền công chi trả điều tra viên thống kê thu thập số liệu;

b) Chi xây dựng phần mềm tin học để nhập tin và xử lý, tổng hợp số liệu điều tra thống kê (nếu cần thiết); chi nhập tin và xử lý dữ liệu, tổng hợp số liệu;

c) Xây dựng cơ sở dữ liệu, duy trì trang web, xuất bản các sản phẩm điện tử về kết quả điều tra thống kê.

Nội dung và mức chi của Điểm b, c thực hiện theo quy định tại Thông tư số 194/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn mức chi tạo lập thông tin điện tử nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước và Thông tư liên tịch số 19/2012/TTLT-BTC-BKH&ĐT-

BTTTT ngày 15 tháng 02 năm 2012 của Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện Chương trình quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị chủ trì điều tra thống kê chịu trách nhiệm trong việc quyết định nội dung chi này đảm bảo tiết kiệm.

10. Chi biên soạn ấn phẩm điều tra thống kê (nếu có): Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 18/2014/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2014 của Chính phủ quy định về chế độ nhuận bút trong lĩnh vực báo chí, xuất bản.

11. Chi công bố kết quả điều tra thống kê: Nội dung và mức chi tổ chức hội nghị đề công bố kết quả điều tra thống kê thực hiện theo chế độ chi tổ chức hội nghị quy định tại Nghị quyết số 13/2017/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh; chi công bố trên các phương tiện thông tin đại chúng: Thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành về đấu thầu mua sắm thường xuyên nhằm duy trì hoạt động của các cơ quan, đơn vị của Nhà nước.

12. Các Khoản chi khác liên quan đến cuộc điều tra thống kê, bao gồm:

a) Văn phòng phẩm, thông tin liên lạc, xăng xe và các khoản chi phí khác để thực hiện nhiệm vụ liên quan trực tiếp đến công tác điều tra thống kê: Mức chi căn cứ vào hóa đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp và trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao;

b) Phiên dịch (nếu có), biên dịch tài liệu nước ngoài phục vụ điều tra thống kê: Mức chi thực hiện theo quy định về chi phiên dịch, biên dịch tại Thông tư số 01/2010/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2010 của Bộ Tài chính quy định chế độ chi tiêu đón tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chi tiêu tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chi tiêu tiếp khách trong nước.

c) Làm ngoài giờ: Trong phạm vi dự toán được giao, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị chủ trì điều tra thống kê quyết định thanh toán tiền làm thêm giờ theo quy định tại Thông tư liên tịch số 08/2005/TTLT-BNV-BTC ngày 05 tháng 01 năm 2005 của Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện chế độ trả lương làm việc vào ban đêm, làm thêm giờ đối với cán bộ công chức, viên chức và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).

13. Chi điều tra thử để hoàn thiện phương án, phương pháp, chỉ tiêu, định mức công, mẫu phiếu điều tra thống kê:

Đối với cuộc điều tra thống kê được tiến hành điều tra thống kê lần đầu tiên,

Thủ trưởng cơ quan, đơn vị chủ trì điều tra thống kê quyết định điều tra thử trong trường hợp cần thiết để hoàn thiện phương án, phương pháp, chỉ tiêu, định mức công, mẫu phiếu điều tra thống kê. Nội dung, mức chi Điều tra thử thực hiện theo các quy định tương ứng tại Điều này.

Điều 3. Nguồn kinh phí

Kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê do ngân sách thành phố bảo đảm thực hiện trong phạm vi dự toán nguồn kinh phí được cấp có thẩm quyền giao hàng năm và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân thành phố, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm thi hành Quy định này.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc phát sinh, các cơ quan, đơn vị kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố trình Hội đồng nhân dân thành phố xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 07/2018/NQ-HĐND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 7 năm 2018

NGHỊ QUYẾT

Ban hành mức chi đón tiếp, thăm hỏi, chúc mừng đối với một số đối tượng do Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố, quận - huyện thực hiện trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ CHÍN (Từ ngày 10 đến ngày 12 tháng 7 năm 2018)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 76/2013/QĐ-TTg ngày 12 tháng 12 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ quy định chế độ chi đón tiếp, thăm hỏi, chúc mừng đối với một số đối tượng do Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp tỉnh, cấp huyện thực hiện;

Căn cứ Thông tư số 01/2010/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2010 của Bộ Tài chính quy định chế độ chi tiêu đón tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chi tiêu tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chi tiêu tiếp khách trong nước;

Xét Tờ trình số 2800/TTr-UBND ngày 25 tháng 6 năm 2018 của Ủy ban nhân dân thành phố về dự thảo nghị quyết ban hành mức chi đón tiếp, thăm hỏi, chúc mừng đối với một số đối tượng do Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp thành phố và cấp quận - huyện thực hiện trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; Báo cáo thẩm tra số 395/BC-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2018 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân thành phố; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành mức chi đón tiếp, thăm hỏi, chúc mừng đối với một số đối tượng do Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố, quận - huyện thực hiện trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, cụ thể như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh:

Văn bản này quy định mức chi đón tiếp, thăm hỏi, chúc mừng đối với một số đối tượng do Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố, quận - huyện thực hiện.

2. Đối tượng áp dụng:

2.1. Các cá nhân đến thăm và làm việc với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố và quận - huyện hoặc được Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố, quận - huyện đến thăm hỏi, chúc mừng, gồm:

a) Các vị lão thành cách mạng, chiến sĩ cách mạng tiêu biểu, Bà mẹ Việt Nam anh hùng, anh hùng lực lượng vũ trang;

b) Các chức sắc, chức việc tôn giáo, người có uy tín tiêu biểu trong đồng bào dân tộc thiểu số, các nhân sĩ, trí thức tiêu biểu có đóng góp tích cực trong công cuộc xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc;

c) Người Việt Nam ở nước ngoài tiêu biểu có quan hệ mật thiết và đóng góp tích cực trong công cuộc xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc;

d) Các đồng chí lãnh đạo, nguyên lãnh đạo cấp cao của Đảng và Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

2.2. Các đoàn đại biểu đến thăm và làm việc với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố, quận - huyện, gồm:

a) Các đoàn đại diện lão thành cách mạng, chiến sĩ cách mạng, Bà mẹ Việt Nam anh hùng, anh hùng lực lượng vũ trang;

b) Các đoàn đại diện các dân tộc thiểu số, các tổ chức tôn giáo có nhiều đóng góp tích cực trong công cuộc xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc;

c) Các đoàn đại diện người Việt Nam ở nước ngoài có quan hệ mật thiết và đóng góp tích cực trong công cuộc xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

3. Mức chi đón tiếp, thăm hỏi, chúc mừng đối với một số đối tượng do Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố, quận - huyện thực hiện:

a) Chi tiếp xã giao:

Chi đón tiếp các đoàn đại biểu và các cá nhân đến thăm và làm việc với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố, quận - huyện: thực hiện theo mức chi tối đa quy định tại Thông tư số 01/2010/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2010 của Bộ Tài chính quy định chế độ chi tiêu đón tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chi tiêu tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chi tiêu tiếp khách trong nước.

b) Chi tặng quà lưu niệm, chúc mừng:

- Chi tặng quà lưu niệm nhân dịp đón các đoàn đại biểu và cá nhân đến thăm và làm việc với cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố, quận - huyện: 500.000 đồng/1 đại biểu.

- Chi tặng quà chúc mừng ngày Tết nguyên đán, ngày lễ hoặc ngày lễ trọng (ngày lễ kỷ niệm trọng thể nhất của từng dân tộc, tổ chức tôn giáo) đối với các vị lão thành cách mạng, chiến sĩ cách mạng tiêu biểu, Bà mẹ Việt Nam anh hùng, anh hùng lực lượng vũ trang, các chức sắc, chức việc tôn giáo, nhân sĩ, trí thức tiêu biểu, người có uy tín tiêu biểu trong đồng bào dân tộc thiểu số có đóng góp tích cực trong công cuộc xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc (không quá 02 lần/năm): 500.000 đồng/1 lần.

c) Chi thăm hỏi ốm đau, chi phúng viếng, chi hỗ trợ khi gia đình gặp khó khăn: Đối với các vị lão thành cách mạng, chiến sĩ cách mạng tiêu biểu, Bà mẹ Việt Nam anh hùng, anh hùng lực lượng vũ trang, các chức sắc, chức việc tôn giáo, nhân sĩ, trí thức tiêu biểu, người có uy tín tiêu biểu trong đồng bào dân tộc thiểu số có đóng góp tích cực trong công cuộc xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc được Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố, quận - huyện:

- Chi thăm hỏi khi bị ốm đau:

+ Mức chi: 1.500.000 đồng/người/năm đối với thành phố;

+ Mức chi: 800.000 đồng/người/năm đối với quận, huyện.

- Chi phúng viếng khi qua đời:

+ Mức chi: 1.000.000 đồng/người đối với thành phố;

+ Mức chi: 500.000 đồng/người đối với quận, huyện.

- Chi hỗ trợ khi gia đình gặp khó khăn (thiên tai, hỏa hoạn):
- + Mức chi: 1.000.000 đồng/gia đình/năm đối với thành phố;
- + Mức chi: 500.000 đồng/gia đình/năm đối với quận, huyện.

4. Điều khoản thi hành:

- Kinh phí chi đón tiếp, thăm hỏi, chúc mừng đối với một số đối tượng do Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố, quận - huyện thực hiện được ngân sách nhà nước đảm bảo theo phân cấp ngân sách hiện hành quy định tại Luật Ngân sách nhà nước.

- Kho bạc Nhà nước kiểm soát chi hoạt động thực hiện đón tiếp, thăm hỏi, chúc mừng đối với một số đối tượng do Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố, quận - huyện thực hiện theo quy định.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân thành phố triển khai và tổ chức thực hiện Nghị quyết này thống nhất trên địa bàn thành phố theo quy định pháp luật. Trong quá trình thực hiện, khi có phát sinh vướng mắc, Ủy ban nhân dân thành phố báo cáo Hội đồng nhân dân thành phố xem xét, quyết định.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, các Ban, các Tổ đại biểu, đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố và Hội đồng nhân dân các quận, huyện giám sát chặt chẽ quá trình tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh khóa IX, kỳ họp thứ chín thông qua ngày 12 tháng 7 năm 2018 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2018./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Quyết Tâm

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 08/2018/NQ-HĐND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 7 năm 2018

NGHỊ QUYẾT

**Về ban hành mức chi hỗ trợ Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp xã
và Ban công tác Mặt trận ở khu dân cư thực hiện Cuộc vận động
“Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ CHÍN (Từ ngày 10 đến ngày 12 tháng 7 năm 2018)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Thông tư số 121/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”;

Xét Tờ trình số 2963TTr-UBND ngày 04 tháng 7 năm 2018 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành mức chi hỗ trợ Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp xã và Ban công tác Mặt trận ở khu dân cư thực hiện Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”; Báo cáo thẩm tra số 406/BC-HĐND ngày 09 tháng 7 năm 2018 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân thành phố; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành mức chi hỗ trợ Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp xã và Ban công tác Mặt trận ở khu dân cư thực hiện Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”, cụ thể như sau:

1. Đối với Ban công tác Mặt trận ở khu dân cư:

- Khu dân cư có quy mô dân số dưới 700 hộ dân: Mức chi 5.000.000 đồng/năm/khu dân cư.

- Khu dân cư có quy mô dân số trên 700 hộ dân: Cứ tăng thêm 200 hộ dân thì được hỗ trợ thêm 1.000.000 đồng/năm/khu dân cư, so với định mức khu dân cư có dân số dưới 700 hộ dân.

2. Đối với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp xã: 20.000.000 đồng/năm/xã.

3. Nguồn kinh phí: Ngân sách thành phố bố trí hàng năm cho ngân sách quận - huyện để thực hiện.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân thành phố:

1. Triển khai và tổ chức thực hiện Nghị quyết này thống nhất trên địa bàn thành phố theo quy định pháp luật.

2. Trong quá trình thực hiện, khi có vướng mắc, phát sinh Ủy ban nhân dân thành phố kịp thời báo cáo Hội đồng nhân dân thành phố xem xét, quyết định theo thẩm quyền.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, các Ban, các Tổ đại biểu, đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố và Hội đồng nhân dân các quận, huyện giám sát chặt chẽ quá trình tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh khóa IX, kỳ họp thứ chín thông qua ngày 12 tháng 7 năm 2018 và có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2018./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Quyết Tâm

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 09/2018/NQ-HĐND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 7 năm 2018

NGHỊ QUYẾT

**Về ban hành Quy định mức chi trong việc tiếp công dân,
giải quyết khiếu nại, tố cáo của nông dân theo quy định tại
Quyết định số 81/2014/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ CHÍN
(Từ ngày 10 đến ngày 12 tháng 7 năm 2018)**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 81/2014/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc phối hợp giữa các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các cấp với các cấp Hội Nông dân Việt Nam trong việc tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo của nông dân;

Căn cứ Thông tư số 151/2015/TT-BTC ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm thực hiện Quyết định số 81/2014/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc phối hợp giữa các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các cấp với các cấp Hội Nông dân Việt Nam trong việc tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo của nông dân;

Xét Tờ trình số 2801/TTr-UBND ngày 25 tháng 6 năm 2018 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành quy định mức chi trong việc tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo của nông dân theo quy định tại Quyết định số 81/2014/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ; Báo cáo thẩm tra số 396/BC-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2018 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân

thành phố; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành Quy định mức chi trong việc tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo của nông dân theo quy định tại Quyết định số 81/2014/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ, cụ thể như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh: Văn bản này quy định mức chi trong việc tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo của nông dân theo quy định tại Quyết định số 81/2014/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Các cơ quan được giao nhiệm vụ phối hợp với Hội Nông dân các cấp trong việc tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo của nông dân theo quy định tại Quyết định số 81/2014/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ;

b) Hội Nông dân các cấp;

c) Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

3. Nội dung chi và mức chi cụ thể trong việc tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo của nông dân theo quy định tại Thông tư số 151/2015/TT-BTC ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm thực hiện Quyết định số 81/2014/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc phối hợp giữa các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các cấp với các cấp Hội Nông dân Việt Nam trong việc tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo của nông dân:

a) Chi biên soạn, biên dịch, in ấn, phát hành tài liệu, thù lao báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật cho nông dân gồm:

- Chi xây dựng chương trình, chuyên trang, chuyên mục; in ấn các ấn phẩm, tài liệu; sản xuất, phát hành băng, đĩa để phục vụ công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; chi thực hiện thông tin, truyền thông trên báo, tạp chí, đài truyền hình, tập san, bản tin, cổng thông tin điện tử: theo định mức, đơn giá của các ngành có công việc tương tự và theo chứng từ chi thực tế hợp pháp được cấp có thẩm quyền phê duyệt trong dự toán ngân sách hàng năm.

- Chi biên dịch các tài liệu phổ biến, giáo dục pháp luật (bao gồm cả tiếng dân

tộc thiểu số được hiểu là ngôn ngữ không phổ thông): thực hiện theo mức chi tối đa quy định tại Thông tư số 01/2010/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2010 của Bộ Tài chính quy định chế độ chi tiêu đón tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chi tiêu tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chi tiêu tiếp khách trong nước.

- Chi biên soạn tài liệu hướng dẫn nghiệp vụ, kỹ năng tuyên truyền, phổ biến pháp luật dưới dạng tình huống giải đáp pháp luật: Thực hiện theo mức chi biên soạn một số tài liệu phổ biến pháp luật đặc thù, theo mức chi tối đa tại Phụ lục kèm theo Thông tư liên tịch số 14/2014/TTLT-BTC-BTP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Bộ Tài chính và Bộ Tư pháp quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở và các văn bản pháp luật khác liên quan.

- Chi biên soạn tin, bài phục vụ việc phát thanh; chi thù lao cho phát thanh viên tuyên truyền pháp luật cho nông dân trên hệ thống loa truyền thanh, phát thanh ở cơ sở: thực hiện theo mức chi hỗ trợ hoạt động truyền thông, phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật trên đài phát thanh xã, phường, thị trấn, loa truyền thanh cơ sở, theo mức chi tối đa tại Phụ lục kèm theo Thông tư liên tịch số 14/2014/TTLT-BTC-BTP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Bộ Tài chính và Bộ Tư pháp quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở và các văn bản pháp luật khác liên quan.

- Chi thù lao cho giảng viên, báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật, người được mời tham gia phổ biến, giáo dục pháp luật: thực hiện theo mức chi thù lao báo cáo viên, tuyên truyền viên, người được mời tham gia công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, thù lao cộng tác viên, chuyên gia tham gia các hoạt động đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật, theo mức chi tối đa tại Phụ lục kèm theo Thông tư liên tịch số 14/2014/TTLT-BTC-BTP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Bộ Tài chính và Bộ Tư pháp quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở và các văn bản pháp luật khác liên quan.

b) Chi bồi dưỡng người làm công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của nông dân: Thực hiện theo mức chi quy định tại Thông tư số 320/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định chế độ bồi dưỡng đối với người

làm nhiệm vụ tiếp công dân, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh và Nghị quyết số 14/2017/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân thành phố về chế độ bồi dưỡng đối với người làm nhiệm vụ tiếp công dân, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

c) Chi tổ chức hoạt động đối thoại với nông dân:

- Tiền nước uống: 10.000 đồng/người/ngày.

- Thù lao cán bộ thực hiện đối thoại: 40.000 đồng/người/ngày.

d) Chi tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ, kiến thức công tác tuyên truyền pháp luật, trợ giúp pháp lý và kỹ năng công tác hòa giải cho cán bộ chuyên trách công tác Hội, báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật: thực hiện theo mức chi tối đa quy định tại Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.

đ) Chi tổ chức hội thảo, tọa đàm trao đổi kinh nghiệm phổ biến, giáo dục pháp luật; trao đổi kinh nghiệm giải quyết khiếu nại, tố cáo của nông dân; chi tổ chức các cuộc họp, hội nghị chuyên đề, hội nghị tập huấn cho cán bộ Hội không chuyên trách ở cơ sở, cộng tác viên, tuyên truyền viên Câu lạc bộ Nông dân với pháp luật, hội nghị tổng kết, sơ kết, triển khai công tác phổ biến, giáo dục pháp luật: thực hiện theo mức chi quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị và Nghị quyết số 13/2017/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân thành phố về ban hành mức chi chế độ công tác phí và chế độ tổ chức hội nghị trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

e) Chi cho công tác hòa giải tại cơ sở, gồm: Thù lao cho hòa giải viên; chi mua tài liệu, văn phòng phẩm phục vụ công tác hòa giải: thực hiện theo mức chi quy định tại Thông tư liên tịch số 100/2014/TTLT-BTC-BTP ngày 30 tháng 7 năm 2014 của Bộ Tài chính và Bộ Tư pháp quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện công tác hòa giải ở cơ sở và các văn bản pháp luật khác liên quan.

g) Chi cho các cơ quan, đơn vị thực hiện trợ giúp pháp lý, tư vấn pháp luật cho hội viên, nông dân được hưởng chính sách trợ giúp pháp lý, tư vấn pháp luật theo quy định tại Luật Trợ giúp pháp lý, Nghị định số 77/2008/NĐ-CP ngày 16 tháng 7 năm 2008 của Chính phủ về tư vấn pháp luật và các văn bản hướng dẫn: thực hiện theo

mức chi tối đa quy định tại Thông tư liên tịch số 209/2012/TTLT-BTC-BTP ngày 30 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp hướng dẫn việc lập, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm hoạt động của cơ quan, tổ chức trợ giúp pháp lý nhà nước.

h) Chi thực hiện các cuộc điều tra, khảo sát: thực hiện theo mức chi tối đa quy định tại Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê, tổng điều tra thống kê quốc gia.

i) Chi khen thưởng cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc về phổ biến, giáo dục pháp luật và giải quyết khiếu nại, tố cáo của nông dân: thực hiện theo mức chi tối đa quy định tại Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng.

k) Chi tổ chức các cuộc hội thi tìm hiểu pháp luật cho nông dân; thi hòa giải viên giỏi: thực hiện theo mức chi quy định tại Thông tư liên tịch số 100/2014/TTLT-BTC-BTP ngày 30 tháng 7 năm 2014 của Bộ Tài chính và Bộ Tư pháp quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện công tác hòa giải ở cơ sở và các văn bản pháp luật khác liên quan.

l) Chi hoạt động của Ban Chỉ đạo thực hiện Quyết định các cấp:

- Chi hội nghị triển khai, sơ kết, tổng kết, hội thảo, tọa đàm của Ban Chỉ đạo: thực hiện theo mức chi quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị và Nghị quyết số 13/2017/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân thành phố về ban hành mức chi chế độ công tác phí và chế độ tổ chức hội nghị trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

- Chi văn phòng phẩm, trang thiết bị và các chi phí khác phục vụ trực tiếp Ban Chỉ đạo (nếu có): Theo chứng từ chi thực tế hợp pháp được cấp có thẩm quyền phê duyệt trong dự toán ngân sách hàng năm.

m) Chi tiền lương làm thêm giờ: thực hiện theo mức chi tối đa quy định tại Thông tư liên tịch số 08/2005/TTLT-BNV-BTC ngày 05 tháng 01 năm 2005 của Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện chế độ trả lương làm việc vào ban đêm, làm thêm giờ đối với cán bộ, công chức, viên chức.

n) Chi Công tác phí đi kiểm tra, giám sát, chỉ đạo việc thực hiện Quyết định; tham gia giải quyết khiếu nại, tố cáo, tiếp công dân; nắm tình hình khiếu nại, tố cáo

của nông dân, tổ chức đối thoại với nông dân: thực hiện theo mức chi quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị và Nghị quyết số 13/2017/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân thành phố về ban hành mức chi chế độ công tác phí và chế độ tổ chức hội nghị trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

o) Chi mua, thuê trang thiết bị và một số khoản chi mua, thuê khác phục vụ cho hoạt động tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật và tổ chức các hội nghị, hội thảo, các cuộc thi tìm hiểu pháp luật cho nông dân: theo chứng từ chi thực tế hợp pháp, hợp lệ theo quy định của các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành.

4. Điều khoản thi hành:

- Kinh phí bảo đảm hoạt động thực hiện Quyết định số 81/2014/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ do Ngân sách nhà nước bảo đảm theo phân cấp ngân sách hiện hành quy định tại Luật Ngân sách nhà nước; huy động từ các nguồn viện trợ, tài trợ và các nguồn kinh phí khác theo quy định của pháp luật.

- Kho bạc nhà nước kiểm soát chi hoạt động thực hiện Quyết định số 81/2014/QĐ-TTg của các cơ quan, đơn vị theo quy định.

- Trong quá trình thực hiện nếu các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu để áp dụng tại Thông tư số 151/2015/TT-BTC ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính được sửa đổi, bổ sung thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật mới thì áp dụng theo các văn bản mới đó; trường hợp có vướng mắc phát sinh, các cơ quan, đơn vị kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố trình Hội đồng nhân dân thành phố xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân thành phố:

1. Triển khai và tổ chức thực hiện Nghị quyết này thống nhất trên địa bàn thành phố theo quy định pháp luật.

2. Đảm bảo bố trí kinh phí ngân sách nhà nước để thực hiện Quyết định số 81/2014/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; quản lý chi tiêu đúng chế độ hiện hành, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả và theo các quy định tại Thông tư số 151/2015/TT-BTC ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, các Ban, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát chặt chẽ quá trình tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh khóa IX, kỳ họp thứ chín thông qua ngày 12 tháng 7 năm 2018 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 8 năm 2018./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Quyết Tâm

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 10/2018/NQ-HĐND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 7 năm 2018

NGHỊ QUYẾT

**Về ban hành Quy định mức phân bổ kinh phí bảo đảm
cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện
hệ thống pháp luật trên địa bàn thành phố**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ CHÍN (Từ ngày 10 đến ngày 12 tháng 7 năm 2018)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật;

Xét Tờ trình số 2802/TTr-UBND ngày 25 tháng 6 năm 2018 của Ủy ban nhân dân thành phố về dự thảo nghị quyết ban hành quy định mức phân bổ kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật trên địa bàn thành phố; Báo cáo thẩm tra số 394/BC-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2018 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân thành phố; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành quy định mức phân bổ kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật trên địa bàn thành phố,

cụ thể như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh:

Văn bản này quy định mức phân bổ kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp trên địa bàn thành phố, bao gồm các văn bản sau:

- a) Nghị quyết của Hội đồng nhân dân các cấp;
- b) Quyết định của Ủy ban nhân dân các cấp.

2. Đối tượng áp dụng:

Các cơ quan, đơn vị, cá nhân được giao nhiệm vụ xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật trên địa bàn thành phố.

3. Mức phân bổ kinh phí:

a) Đối với Nghị quyết của Hội đồng nhân dân, quyết định của Ủy ban nhân dân được ban hành mới hoặc thay thế:

- Thành phố: 10 triệu đồng/văn bản (mười triệu đồng/văn bản);
- Quận, huyện: 8 triệu đồng/văn bản (tám triệu đồng/văn bản);
- Phường, xã, thị trấn: 6 triệu đồng/văn bản (sáu triệu đồng/văn bản).

b) Đối với văn bản sửa đổi, bổ sung:

- + Thành phố: 8 triệu đồng/văn bản (tám triệu đồng/văn bản);
- + Quận, huyện: 6,4 triệu đồng/văn bản (sáu triệu bốn trăm ngàn đồng/văn bản);
- + Phường, xã, thị trấn: 4,8 triệu đồng/văn bản (bốn triệu tám trăm ngàn đồng/văn bản).

4. Điều khoản thi hành:

a) Kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật trên địa bàn thành phố do ngân sách nhà nước đảm bảo theo phân cấp ngân sách hiện hành quy định tại Luật Ngân sách nhà nước và các nguồn kinh phí hợp pháp khác. Các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm quản lý, sử dụng theo đúng định mức, tiêu chuẩn và trong phạm vi tổng mức phân bổ kinh phí được giao hàng năm.

b) Kho bạc nhà nước kiểm soát chi công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật trên địa bàn thành phố theo mức phân bổ kinh

phí tại Khoản 3 Điều này.

c) Căn cứ mức chi được giao, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật trên địa bàn thành phố quyết định thực hiện chi tiêu cho các nội dung công việc với mức chi phù hợp (thấp hơn hoặc cao hơn mức chi quy định tại Điều 4 của Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính) trong tổng mức kinh phí đã được giao để thực hiện nhiệm vụ xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật.

d) Các quy định về nội dung chi, mức chi, lập dự toán, quản lý, sử dụng, quyết toán kinh phí và các quy định khác liên quan đến công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật thực hiện theo Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân thành phố:

1. Triển khai và tổ chức thực hiện Nghị quyết này thống nhất trên địa bàn thành phố theo quy định pháp luật.

2. Đảm bảo bố trí kinh phí trên cơ sở sử dụng tiết kiệm, hiệu quả, quản lý chi tiêu đúng chế độ hiện hành và quy định cụ thể tỷ lệ phân chia đối với từng cơ quan, đơn vị tham gia thực hiện đối với công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật trên địa bàn thành phố.

3. Chỉ đạo Sở Tài chính thành phố phối hợp Sở Tư pháp thành phố, Văn phòng Hội đồng nhân dân thành phố, Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân thành phố rà soát kỹ các nội dung và mức chi liên quan đến công tác ban hành nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố khóa IX quy định tại Nghị quyết số 27/2017/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2017 về sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 129/2016/NQ-HĐND quy định về chế độ, chính sách và các điều kiện bảo đảm hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp Thành phố Hồ Chí Minh nhiệm kỳ 2016 - 2021 trình Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố xem xét, báo cáo Hội đồng nhân dân thành phố điều chỉnh để không chi trùng và không trái quy định tại Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, các Ban, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát chặt chẽ quá trình tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Hồ Chí Minh khóa IX, kỳ họp

thứ chín thông qua ngày 12 tháng 7 năm 2018 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 8 năm 2018./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Quyết Tâm

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 11/2018/NQ-HĐND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 7 năm 2018

NGHỊ QUYẾT

**Ban hành quy định về mức chi bảo đảm cho công tác điều ước quốc tế
và công tác thỏa thuận quốc tế trên địa bàn thành phố**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ CHÍN
(Từ ngày 10 đến ngày 12 tháng 7 năm 2018)**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 74/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 07 năm 2016 của Chính phủ về quản lý và sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác điều ước quốc tế và công tác thỏa thuận quốc tế;

Căn cứ Thông tư số 13/2018/TT-BTC ngày 06 tháng 02 năm 2018 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 02 tháng 4 năm 2018 hướng dẫn việc quản lý và sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác điều ước quốc tế và công tác thỏa thuận quốc tế;

Xét Tờ trình số 2803/TTr-UBND ngày 25 tháng 6 năm 2018 của Ủy ban nhân dân thành phố về dự thảo Nghị quyết ban hành quy định về mức chi bảo đảm cho công tác điều ước quốc tế và công tác thỏa thuận quốc tế trên địa bàn thành phố; Báo cáo thẩm tra số 397/BC-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2018 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân thành phố; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định về mức chi bảo đảm cho công tác điều ước quốc tế và công tác thỏa thuận quốc tế trên địa bàn thành phố.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này thống nhất trên địa bàn thành phố theo quy định pháp luật.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, các Ban, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát chặt chẽ quá trình tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh khóa IX, kỳ họp thứ chín thông qua ngày 12 tháng 7 năm 2018 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 8 năm 2018./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Quyết Tâm

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

**về mức chi bảo đảm cho công tác điều ước quốc tế
và công tác thỏa thuận quốc tế trên địa bàn thành phố**

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 11/2018/NQ-HĐND

ngày 12 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về mức chi bảo đảm cho công tác điều ước quốc tế và công tác thỏa thuận quốc tế nhằm thực hiện hợp tác quốc tế trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân thành phố (gọi tắt là điều ước quốc tế và công tác thỏa thuận quốc tế trên địa bàn thành phố).

2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia vào quá trình ký kết và thực hiện điều ước quốc tế và công tác thỏa thuận quốc tế trên địa bàn thành phố theo quy định tại Luật điều ước quốc tế năm 2016 và Pháp lệnh ký kết và thực hiện thỏa thuận quốc tế năm 2007.

Điều 2. Nội dung

Thực hiện theo quy định tại Điều 5, Điều 6 Nghị định số 74/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 07 năm 2016 của Chính phủ về quản lý và sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác điều ước quốc tế và công tác thỏa thuận quốc tế.

Điều 3. Mức chi

1. Các nội dung chi tổ chức hội nghị trong nước, công tác phí cho cán bộ đi công tác trong nước; công tác phí cho cán bộ đi công tác ở nước ngoài; chi làm đêm, làm thêm giờ: Thực hiện theo các chế độ quy định hiện hành, cụ thể:

a) Chi tổ chức hội nghị trong nước, công tác phí cho cán bộ đi công tác trong nước: Thực hiện theo Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của

Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị và Nghị quyết số 13/2017/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định về mức chi chế độ công tác phí và chế độ tổ chức hội nghị trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

b) Chi công tác phí cho cán bộ đi công tác ở nước ngoài: Thực hiện theo mức chi quy định tại Thông tư số 102/2012/TT-BTC ngày 21 tháng 6 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí cho cán bộ, công chức Nhà nước đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí.

c) Chi làm đêm, làm thêm giờ: Thực hiện theo mức chi quy định tại Thông tư liên tịch số 08/2005/TTLT-BNV-BTC ngày 05 tháng 01 năm 2005 của Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện chế độ trả lương làm việc vào ban đêm, làm thêm giờ đối với cán bộ công chức, viên chức và các văn bản sửa đổi, bổ sung.

2. Chi rà soát văn bản trong nước và rà soát, thống kê các điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế trong cùng lĩnh vực phục vụ trực tiếp công tác xây dựng điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế; chi tổ chức rà soát văn bản điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế được ký trong chuyến thăm của đoàn lãnh đạo cấp cao nước ngoài tại Việt Nam hoặc chuyến thăm của đoàn lãnh đạo cấp cao Việt Nam tại nước ngoài: Thực hiện theo mức chi quy định tại Thông tư liên tịch số 122/2011/TTLT-BTC-BTP ngày 17 tháng 8 năm 2011 của Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật.

3. Chi dịch thuật; chi đón các đoàn nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam: Thực hiện theo mức chi quy định tại Thông tư số 01/2010/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2010 của Bộ Tài chính quy định chế độ chi tiêu đón tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chi tiêu tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chi tiêu tiếp khách trong nước.

4. Các khoản chi: Cấp bản sao điều ước quốc tế; chi phí sao lục, in ấn tài liệu; chi mua, thu thập tài liệu; chi mua văn phòng phẩm phục vụ trực tiếp cho soạn thảo điều ước quốc tế và thỏa thuận quốc tế: Thực hiện theo chứng từ chi thực tế, theo hợp đồng của đơn vị cung ứng; đối với trường hợp thu thập tài liệu phải có bảng kê khai ký nhận tiền của người cung cấp tài liệu. Các nội dung chi tiêu trên phải được cấp có thẩm quyền phê duyệt dự toán trước khi thực hiện.

5. Chi tuyên truyền, phổ biến điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế: Thực hiện theo mức chi quy định tại Thông tư liên tịch số 14/2014/TTLT-BTC-BTP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp và Quyết định số 09/2015/QĐ-UBND ngày 06 tháng 02 năm 2015 của Ủy ban nhân dân thành phố Quy định một số mức chi cụ thể cho hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Đối với các khoản chi đóng góp tài chính theo điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế thì mức đóng góp tài chính được thực hiện như sau:

a) Mức đóng góp tài chính theo điều ước quốc tế (bao gồm đóng góp tài chính, niên liễm cho tổ chức quốc tế được thành lập theo điều ước quốc tế, viện trợ cho chính phủ nước ngoài, hoặc đóng góp tài chính khác theo điều ước quốc tế): Được thực hiện căn cứ vào quy định của điều ước quốc tế, tổ chức quốc tế có liên quan mà Việt Nam là thành viên; trong trường hợp có sự thay đổi mức đóng góp tài chính so với quy định của điều ước quốc tế thì cơ quan chủ trì thực hiện điều ước quốc tế lấy ý kiến của Bộ Ngoại giao, Bộ Tài chính và cơ quan có liên quan; trình Thủ tướng Chính phủ quyết định làm căn cứ đóng góp.

b) Mức đóng góp tài chính theo thỏa thuận quốc tế (bao gồm đóng góp tài chính, niên liễm cho tổ chức quốc tế được thành lập theo thỏa thuận quốc tế, hoặc đóng góp tài chính khác theo thỏa thuận quốc tế): Được thực hiện căn cứ vào quy định của thỏa thuận quốc tế có liên quan đang có hiệu lực; trong trường hợp có sự thay đổi mức đóng góp tài chính thì cơ quan chủ trì thực hiện thỏa thuận quốc tế lấy ý kiến của Bộ Ngoại giao, Bộ Tài chính và cơ quan có liên quan để trình cơ quan đã quyết định việc ký kết thỏa thuận quốc tế đó phê duyệt mức đóng góp tài chính theo thỏa thuận quốc tế.

7. Một số chế độ, mức chi có tính chất đặc thù phục vụ công tác điều ước quốc tế, công tác thỏa thuận quốc tế:

a) Đối với công tác nghiên cứu, xây dựng phương án đàm phán, ký, phê chuẩn, phê duyệt, gia nhập, sửa đổi, bổ sung, gia hạn, chấm dứt hiệu lực, từ bỏ, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế; báo cáo đánh giá tác động chính trị, quốc phòng, an ninh, kinh tế - xã hội và các tác động khác của điều ước quốc tế; báo cáo rà soát, so sánh điều ước quốc tế với pháp luật trong nước và các điều ước quốc tế có liên quan mà Việt Nam là thành viên; báo cáo đánh giá độc lập về sự phù

hợp của điều ước quốc tế đề xuất ký, gia nhập với quy định của pháp luật Việt Nam, sự tương thích của điều ước quốc tế đề xuất ký, gia nhập với các điều ước quốc tế liên quan được cơ quan có thẩm quyền giao; báo cáo quốc gia về việc thực hiện điều ước quốc tế nhiều bên theo quy định của điều ước quốc tế; báo cáo rà soát, đánh giá sự phù hợp của thỏa thuận quốc tế với quy định của pháp luật Việt Nam và các điều ước quốc tế liên quan: 10.000.000 đồng/báo cáo.

Đối với các điều ước quốc tế liên quan đến nhiều Sở, ngành khác nhau thì việc nghiên cứu, đề xuất phương án đàm phán, ký, phê chuẩn, phê duyệt, gia nhập, sửa đổi, bổ sung, gia hạn, chấm dứt hiệu lực, từ bỏ, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện điều ước quốc tế đối với mỗi Sở, ngành được chi tương ứng với mức chi cho 01 báo cáo nêu trên.

b) Chi soạn thảo điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế:

- Soạn thảo mới dự thảo điều ước quốc tế: 8.000.000 đồng/dự thảo văn bản;
- Soạn thảo dự thảo điều ước quốc tế sửa đổi, bổ sung, gia hạn; dự thảo thỏa thuận quốc tế: 5.000.000 đồng/dự thảo văn bản.

c) Chi cho các cá nhân tham gia cuộc họp lấy ý kiến về dự thảo điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế; hội thảo về kế hoạch đàm phán, ký, phê chuẩn, phê duyệt, gia nhập, sửa đổi, bổ sung, gia hạn, chấm dứt hiệu lực, từ bỏ, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế; chi hội đồng kiểm tra điều ước quốc tế; chi hội đồng thẩm định, tư vấn thẩm định điều ước quốc tế (nếu có):

- Người chủ trì cuộc họp: 150.000 đồng/người/buổi;
- Các thành viên tham dự: 100.000 đồng/người/buổi;
- Lấy ý kiến tham luận bằng văn bản của thành viên tham dự: 500.000 đồng/văn bản.

d) Chi báo cáo tổng hợp ý kiến; báo cáo giải trình tiếp thu ý kiến góp ý; văn bản ý kiến của Bộ Ngoại giao đối với đề xuất ký kết Thỏa thuận quốc tế: 1.000.000 đồng/báo cáo/văn bản.

đ) Chi báo cáo nhận xét, đánh giá của người phản biện, ủy viên của Hội đồng kiểm tra, Hội đồng thẩm định trong các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 18 và khoản 3 Điều 20 Luật Điều ước quốc tế; của Hội đồng thẩm tra trong trường hợp điều ước quốc tế có nội dung quan trọng, phức tạp; báo cáo tham luận theo đơn đặt hàng

của đơn vị chủ trì soạn thảo:

- Đối với dự thảo điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế mới hoặc thay thế: 1.000.000 đồng/báo cáo;

- Đối với dự thảo điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế sửa đổi, bổ sung một số điều: 700.000 đồng/báo cáo.

e) Báo cáo về tình hình ký kết và thực hiện điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế:

- Báo cáo tình hình ký kết và thực hiện điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế trình Thủ tướng Chính phủ, Chính phủ, Chủ tịch nước: 8.000.000 đồng/báo cáo;

- Báo cáo tình hình ký kết và thực hiện điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế định kỳ hàng năm của các Bộ, ngành: 5.000.000 đồng/báo cáo;

- Báo cáo tình hình ký kết và thực hiện điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế theo chuyên đề hoặc đột xuất: 3.000.000 đồng/báo cáo.

g) Chi cho việc xây dựng báo cáo thẩm định, báo cáo kiểm tra, báo cáo thẩm tra:

- Văn bản góp ý:

+ Đối với dự thảo điều ước quốc tế mới hoặc thay thế: 1.000.000 đồng/văn bản;

+ Đối với dự thảo điều ước quốc tế sửa đổi, bổ sung; thỏa thuận quốc tế: 500.000 đồng/văn bản;

- Báo cáo thẩm định, báo cáo kiểm tra, báo cáo thẩm tra:

+ Đối với dự thảo điều ước quốc tế mới hoặc thay thế: 1.500.000 đồng/báo cáo;

+ Đối với dự thảo điều ước quốc tế sửa đổi, bổ sung; thỏa thuận quốc tế: 1.000.000 đồng/báo cáo;

h) Chi cấp ý kiến pháp lý cho các điều ước quốc tế, thỏa thuận vay, thỏa thuận bảo lãnh Chính phủ: 4.000.000 đồng/01 ý kiến pháp lý (bao gồm tất cả các chi phí liên quan đến công tác cấp ý kiến pháp lý như: soạn thảo, họp, dịch tài liệu, ý kiến chuyên gia phản biện và các công việc khác phục vụ việc cấp ý kiến pháp lý).

i) Chi lấy ý kiến chuyên gia độc lập: 1.000.000 đồng/văn bản góp ý (đối với trường hợp đề xuất đàm phán, ký kết hoặc gia nhập điều ước quốc tế, kiểm tra điều ước quốc tế, thẩm định điều ước quốc tế, đề nghị, dự kiến chương trình soạn thảo điều ước quốc tế; tờ trình, dự thảo điều ước quốc tế và các loại báo cáo liên quan đến điều ước

quốc tế thuộc chuyên ngành, lĩnh vực chuyên môn phức tạp phải lấy ý kiến tư vấn, phản biện của các chuyên gia độc lập; số lượng chuyên gia do Thủ trưởng cơ quan chủ trì quyết định và chịu trách nhiệm, đảm bảo hiệu quả, trong phạm vi nguồn kinh phí được giao).

k) Chi bồi dưỡng cho các thành viên trực tiếp tham gia trong những ngày đàm phán, họp với phía đối tác về điều ước quốc tế và thỏa thuận quốc tế được tổ chức ở trong nước: Theo mức chi cho các thành viên và các cán bộ tham gia phục vụ đoàn đàm phán trong những ngày tham gia phiên họp chuẩn bị và các phiên đàm phán chính thức tổ chức ở trong nước quy định tại Thông tư số 01/2010/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2010 của Bộ Tài chính quy định chế độ chi tiêu đón tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chi tiêu tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chi tiêu tiếp khách trong nước.

l) Các khoản chi phí khác phát sinh phục vụ trực tiếp công tác điều ước quốc tế, công tác thỏa thuận quốc tế: Thanh toán theo hóa đơn, chứng từ chi tiêu thực tế hợp pháp theo quy định của Luật Kế toán và nằm trong phạm vi dự toán ngân sách đã được giao của cơ quan chủ trì thực hiện công tác điều ước quốc tế, công tác thỏa thuận quốc tế.

m) Đối với các điều ước quốc tế liên quan đến nhiều Bộ, lĩnh vực khác nhau thì việc thực hiện các công việc nêu trên đối với mỗi một Bộ, lĩnh vực được chi theo định mức chi từ Điểm a đến Điểm l Khoản 7 Quy định này.

n) Việc chi soạn thảo văn bản, các loại báo cáo quy định tại Điểm a, b, d, e, g Khoản 7 Quy định này tính cho sản phẩm cuối cùng (bao gồm cả tiếp thu, chỉnh lý).

Điều 4. Nguồn kinh phí

Kinh phí cho công tác điều ước quốc tế và công tác thỏa thuận quốc tế trên địa bàn thành phố do ngân sách thành phố bảo đảm thực hiện trong phạm vi dự toán nguồn kinh phí được cấp có thẩm quyền giao hàng năm và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân thành phố, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quy định này.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc phát sinh, các cơ quan, đơn vị kịp thời báo cáo, đề xuất gửi Sở Tài chính để tổng hợp trình Ủy ban nhân dân thành phố báo cáo Hội đồng nhân dân thành phố xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 12/2018/NQ-HĐND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 7 năm 2018

NGHỊ QUYẾT

Ban hành chính sách hỗ trợ xây dựng công trình xử lý chất thải chăn nuôi giai đoạn 2018 - 2020

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ CHÍN (Từ ngày 10 đến ngày 12 tháng 7 năm 2018)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg ngày 04 tháng 9 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ giai đoạn 2015 - 2020;

Căn cứ Thông tư số 09/2015/TT-BNNPTNT ngày 03 tháng 3 năm 2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện điểm a khoản 1 Điều 6 Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg ngày 04 tháng 9 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ giai đoạn 2015 - 2020;

Căn cứ Thông tư số 205/2015/TT-BTC ngày 23 tháng 12 năm 2015 của Bộ Tài chính quy định về cơ chế tài chính thực hiện Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg ngày 04 tháng 9 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ giai đoạn 2015 - 2020;

Căn cứ Văn bản hợp nhất số 02/VBHN-BNNPTNT ngày 30 tháng 3 năm 2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về quyết định của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng thực hiện chiến lược quốc gia về cấp nước sạch và vệ sinh môi trường

nông thôn;

Xét Tờ trình số 2964/TTr-UBND ngày 04 tháng 7 năm 2018 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành chính sách hỗ trợ xây dựng công trình xử lý chất thải chăn nuôi giai đoạn 2018 - 2020; Báo cáo thẩm tra số 405/BC-HĐND ngày 09 tháng 7 năm 2018 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân thành phố; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành chính sách hỗ trợ xây dựng công trình xử lý chất thải chăn nuôi giai đoạn 2018 - 2020 trên địa bàn thành phố, cụ thể như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh:

Chính sách này áp dụng trong phạm vi xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo công trình khí sinh học và đệm lót sinh học phục vụ xử lý chất thải trong chăn nuôi tại 05 huyện (Củ Chi, Hóc Môn, Bình Chánh, Nhà Bè và Cần Giờ) và 2 quận (12, Thủ Đức) của Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Đối tượng áp dụng:

Hộ gia đình, cá nhân trực tiếp chăn nuôi có đầu tư công trình xử lý chất thải chăn nuôi đảm bảo điều kiện vệ sinh môi trường (sau đây gọi là hộ chăn nuôi) trên địa bàn 5 huyện (Củ chi, Hóc Môn, Bình Chánh, Nhà Bè và Cần Giờ) và 2 quận (12, Thủ Đức) của Thành phố Hồ Chí Minh, không áp dụng trên đối tượng là các hộ, cá nhân chăn nuôi gia công cho doanh nghiệp.

3. Mức vay xây dựng công trình xử lý chất thải chăn nuôi:

a) Mức vay tối đa để xây dựng mới công trình khí sinh học hoặc làm mới đệm lót sinh học để xử lý chất thải chăn nuôi là 12.000.000 đồng/công trình/hộ.

b) Mức vay tối đa để sửa chữa, cải tạo công trình khí sinh học hoặc đệm lót sinh học để xử lý chất thải chăn nuôi là 6.000.000 đồng/công trình/hộ.

4. Thời hạn vay xây dựng công trình xử lý chất thải chăn nuôi tối đa là 36 tháng.

5. Lãi suất cho vay bằng 0%.

6. Nguồn vốn cho vay: Từ nguồn ngân sách Thành phố cấp vốn cho Công ty Đầu tư Tài chính nhà nước để ủy thác sang Hội Liên hiệp Phụ nữ thành phố thực hiện cho vay.

7. Chi phí quản lý vốn cho Hội Liên hiệp Phụ nữ thành phố là đơn vị thực hiện cho vay: Vận dụng thực hiện theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về phí quản lý đối với Ngân hàng Chính sách Xã hội theo từng thời kỳ.

8. Thời gian áp dụng chính sách hỗ trợ: Kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành đến ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân thành phố:

1. Tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này theo quy định pháp luật hiện hành, đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.

2. Trong quá trình thực hiện Nghị quyết, căn cứ vào tình hình thực tế phát sinh, Ủy ban nhân dân thành phố kịp thời báo cáo Hội đồng nhân dân thành phố xem xét, quyết định theo thẩm quyền.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, các Ban, các Tổ đại biểu, đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố và Hội đồng nhân dân các quận, huyện liên quan giám sát chặt chẽ quá trình tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh khóa IX, kỳ họp thứ chín thông qua ngày 12 tháng 7 năm 2018 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 8 năm 2018/.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Quyết Tâm

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 13/2018/NQ-HĐND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 7 năm 2018

NGHỊ QUYẾT

**Về chính sách hỗ trợ đối với công chức, viên chức, người lao động
tại các cơ sở bảo trợ xã hội công lập, khu điều trị phong Bến Sắn**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ CHÍN (Từ ngày 10 đến ngày 12 tháng 7 năm 2018)

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Xét Tờ trình số 3014/TTr-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2018 của Ủy ban nhân dân thành phố về chính sách hỗ trợ đối với công chức, viên chức, người lao động tại các Cơ sở bảo trợ xã hội công lập do Sở Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý, Khu điều trị phong Bến Sắn do Sở Y tế quản lý; Báo cáo thẩm tra số 401/BC-HĐND ngày 09 tháng 7 năm 2018 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân thành phố; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng:

1. Phạm vi điều chỉnh:

- Các Cơ sở bảo trợ xã hội công lập, Trung tâm Bảo trợ - Dạy nghề và Tạo việc làm cho người tàn tật, SOS Làng trẻ em thành phố do Sở Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý.

- Khu điều trị phong Bến Sắn do Sở Y tế quản lý.

2. Đối tượng áp dụng:

Công chức, viên chức, người lao động tại các Cơ sở bảo trợ xã hội công lập, Trung tâm Bảo trợ - Dạy nghề và Tạo việc làm cho người tàn tật, SOS Làng trẻ em thành phố, Khu điều trị phong Bến Sắn.

Điều 2. Nội dung thực hiện chính sách hỗ trợ:

1. Trợ cấp độc hại, lây nhiễm cao:

a) Mức trợ cấp: 400.000 đồng/người/tháng.

- Đối tượng: Công chức, viên chức, bác sĩ, y sĩ, y tá, hộ lý và người lao động làm việc trong môi trường độc hại, lây nhiễm cao, trực tiếp điều trị, chăm sóc đối tượng tại các Cơ sở bảo trợ xã hội công lập và Khu điều trị phong Bến Sắn (kể cả người hợp đồng ngoài chỉ tiêu được duyệt, không tính những người hưởng lương từ nguồn phí dịch vụ).

b) Mức trợ cấp: 500.000 đồng/người/tháng.

- Đối tượng: Công chức, viên chức và người lao động của Trung tâm Nuôi dưỡng bảo trợ trẻ em Linh Xuân, Trung tâm Điều dưỡng người bệnh tâm thần, Trung tâm Điều dưỡng tâm thần Tân Định và Trung tâm Bảo trợ xã hội Bình Đức.

c) Mức trợ cấp: 30.000 đồng/người/ngày.

- Đối tượng: Bác sĩ, y sĩ, y tá, hộ lý, người trực tiếp điều trị, chữa trị bệnh nhân HIV/AIDS, người bệnh tâm thần tại các Trung tâm Nuôi dưỡng bảo trợ trẻ em Linh Xuân, Trung tâm Điều dưỡng người bệnh tâm thần, Trung tâm Điều dưỡng tâm thần Tân Định, Trung tâm Bảo trợ xã hội Bình Đức.

2. Trợ cấp theo trình độ chuyên môn và nhiệm vụ được phân công:

a) Đối với công chức, viên chức và người lao động làm việc tại Trung tâm Nuôi dưỡng bảo trợ trẻ em Linh Xuân và Khu điều trị phong Bến Sắn:

Đối tượng	Mức trợ cấp
Bác sĩ	6.000.000 đồng/người/tháng
Cán bộ quản lý (Ban Giám đốc)	5.400.000 đồng/người/tháng
Viên chức và người lao động khác	3.600.000 đồng/người/tháng

b) Đối với công chức, viên chức và người lao động làm việc tại các đơn vị: Trung tâm Điều dưỡng người bệnh tâm thần, Trung tâm Điều dưỡng tâm thần Tân Định, Trung tâm Bảo trợ xã hội Bình Đức, Trung tâm Nuôi dưỡng bảo trợ người bại liệt Thạnh Lộc, Trung tâm Nuôi dưỡng bảo trợ trẻ em Gò Vấp và Trung tâm Bảo trợ trẻ tàn tật mồ côi Thị Nghè:

Đối tượng	Mức trợ cấp
Bác sĩ	5.400.000 đồng/người/tháng
Cán bộ quản lý (Ban Giám đốc)	4.200.000 đồng/người/tháng
Người có trình độ cao đẳng, đại học trở lên	3.600.000 đồng/người/tháng
Người có trình độ trung cấp	3.000.000 đồng/người/tháng
Người lao động khác	2.400.000 đồng/người/tháng

c) Đối với công chức, viên chức và người lao động làm việc tại các đơn vị: Trung tâm Dưỡng lão Thị Nghè, Trung tâm Nuôi dưỡng bảo trợ trẻ em Tam Bình, Trung tâm Bảo trợ người tàn tật Hiệp Bình Chánh, Làng Thiếu niên Thủ Đức, Trung tâm Giáo dục - Dạy nghề Thiếu niên thành phố, Trung tâm Bảo trợ xã hội Tân Hiệp, Trung tâm Bảo trợ xã hội Chánh Phú Hòa, Trung tâm Hỗ trợ xã hội, Trung tâm Bảo trợ - Dạy nghề và Tạo việc làm cho người tàn tật, SOS Làng trẻ em thành phố:

Đối tượng	Mức trợ cấp
Bác sĩ	4.800.000 đồng/người/tháng
Cán bộ quản lý (Ban Giám đốc)	3.600.000 đồng/người/tháng
Người có trình độ cao đẳng, đại học trở lên	3.000.000 đồng/người/tháng
Người có trình độ trung cấp	2.400.000 đồng/người/tháng
Người lao động khác	1.800.000 đồng/người/tháng

3. Nguồn kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ:

Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ nêu trên được bố trí trong dự toán chi thường xuyên đảm bảo xã hội hàng năm do ngân sách thành phố giao cho các đơn vị.

4. Thời gian thực hiện: Kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2018.

Điều 3. Giao Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết này.

Điều 4. Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, các Ban, Tổ đại biểu, đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố và Hội đồng nhân dân các quận, huyện giám sát chặt chẽ quá trình tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh khóa IX, kỳ họp thứ chín thông qua ngày 12 tháng 7 năm 2018./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Quyết Tâm

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 14/2018/NQ-HĐND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 7 năm 2018

NGHỊ QUYẾT

Về chính sách hỗ trợ cho ngành y tế, giáo dục trên địa bàn huyện Cần Giờ

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ CHÍN
(Từ ngày 10 đến ngày 12 tháng 7 năm 2018)**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Xét Tờ trình số 2986/TTr-UBND ngày 05 tháng 7 năm 2018 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc điều chỉnh chính sách đặc thù cho ngành y tế, giáo dục trên địa bàn huyện Cần Giờ; Báo cáo thẩm tra số 400/BC-HĐND ngày 09 tháng 7 năm 2018 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân thành phố; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1.

1. Thực hiện chính sách hỗ trợ cho ngành y tế, giáo dục đối với công chức, viên chức, người lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2000 của Chính phủ từ nơi khác đến công tác tại trạm y tế, các trường công lập, điểm trường tại xã Thạnh An huyện Cần Giờ là 600.000 đồng/người/tháng (Sáu trăm ngàn đồng).

2. Nguồn kinh phí thực hiện:

Giao Ủy ban nhân dân thành phố cân đối ngân sách thành phố hàng năm cấp cho sự nghiệp y tế, giáo dục huyện Cần Giờ và sự nghiệp giáo dục của Sở Giáo dục và Đào tạo để thực hiện chính sách hỗ trợ nêu trên.

3. Thời gian thực hiện: Kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2018.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết này.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, các Ban, Tổ đại biểu, đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố và Hội đồng nhân dân các quận, huyện giám sát chặt chẽ quá trình tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh khóa IX, kỳ họp thứ chín thông qua ngày 12 tháng 7 năm 2018./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Quyết Tâm

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 10/NQ-HĐND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 7 năm 2018

NGHỊ QUYẾT

Về Chương trình phát triển nhà ở Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2016-2025

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ CHÍN (Từ ngày 10 đến ngày 12 tháng 07 năm 2018)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Nhà ở ngày 25 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Nhà ở;

Căn cứ Nghị định số 100/2015/NĐ-CP ngày 30 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ Quy định chi tiết về phát triển và quản lý nhà ở xã hội;

Căn cứ Quyết định số 2127/QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển nhà ở quốc gia đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

Xét Tờ trình số 3013/TTr-UBND-ĐT ngày 06 tháng 7 năm 2018 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc thông qua Chương trình phát triển nhà ở Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2016 - 2025; Báo cáo Thẩm tra số 414/BC-HĐND ngày 09 tháng 7 năm 2018 của Ban Đô thị Hội đồng nhân dân thành phố và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất Chương trình phát triển nhà ở Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2016 - 2025 và nhấn mạnh một số nội dung sau:

1. Quan điểm phát triển nhà ở:

a. Phù hợp Chiến lược phát triển nhà ở quốc gia, Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố và Quy hoạch chung xây dựng thành phố; bám sát mục tiêu phát triển nhà ở gắn với Chương trình chính trang và phát triển đô thị giai đoạn 2016 - 2020.

b. Phát triển nhà ở cần bám sát tình hình thực tế của thành phố; giải quyết nhu cầu nhà ở cho các tầng lớp dân cư với mức thu nhập khác nhau, nhất là nhà ở cho các đối tượng có thu nhập thấp, người nghèo và các đối tượng chính sách xã hội.

c. Phát triển thị trường bất động sản và Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam gắn với mô hình tăng trưởng kinh tế thành phố, chuyển dịch cơ cấu lao động, hội nhập quốc tế và khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư phù hợp quy luật phát triển trong giai đoạn hiện nay.

d. Chuyển đổi mô hình nhà ở từ thấp tầng sang nhà ở cao tầng, đồng bộ với hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, tăng hiệu quả sử dụng đất và phát triển đô thị bền vững, tăng tỷ lệ nhà ở chung cư $\geq 90\%$ trong các dự án đầu tư xây dựng nhà ở mới.

2. Các chỉ tiêu phát triển nhà ở:

2.1. Chỉ tiêu diện tích nhà ở bình quân:

a. Nâng chỉ tiêu diện tích nhà ở bình quân đầu người của thành phố đến năm 2020 là $19,8 \text{ m}^2/\text{người}^{(1)}$, dự kiến tổng diện tích sàn nhà ở tăng thêm trong giai đoạn 2016 - 2020 là 40 triệu m^2 sàn.

b. Nâng chỉ tiêu diện tích nhà ở bình quân đầu người của thành phố đến năm 2025 là $22,8 \text{ m}^2/\text{người}^{(2)}$, dự kiến tổng diện tích sàn nhà ở tăng thêm giai đoạn 2021 - 2025 là 45 triệu m^2 sàn.

2.2. Chỉ tiêu phát triển nhà ở tăng thêm:

a. **Nhà ở thương mại:** Dự kiến phát triển nhà ở thương mại tăng thêm trong giai đoạn 2016 - 2020 khoảng 6.568.000 m^2 sàn và giai đoạn 2021 - 2025 khoảng 9.841.000 m^2 sàn.

b. **Nhà ở riêng lẻ tự xây dựng của hộ gia đình:** Dự kiến nhà ở riêng lẻ tự xây

¹ Theo Đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thành phố đến năm 2025, dự báo dân số toàn thành phố đến năm 2020 là 9,2 triệu người.

² Theo Đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thành phố đến năm 2025, dự báo dân số toàn thành phố đến năm 2020 là 9,2 triệu người.

dựng của hộ gia đình phát triển tăng thêm trong giai đoạn 2016 - 2020 khoảng 31.228.000 m² sàn và giai đoạn 2021 - 2025 khoảng 32.813.000 m² sàn.

c. Nhà ở xã hội:

Giai đoạn 2016 - 2020: Phân đầu xây dựng hoàn thành khoảng 1,78 triệu m² sàn nhà ở xã hội⁽³⁾ (trong đó khoảng 20.000 căn nhà ở xã hội, bao gồm: 10.000 căn nhà cho các đối tượng người thu nhập thấp và 10.000 căn nhà cho các đối tượng tái định cư); 35.000 chỗ ở tập trung cho công nhân tương đương 350.000 m² sàn và 6.750 chỗ ở tập trung cho sinh viên, tương đương khoảng 74.000 m² sàn.

Giai đoạn 2021 - 2025: Dự kiến phát triển khoảng 1,96 triệu m² sàn nhà ở xã hội (bao gồm 980.000 m² sàn nhà ở cho người thu nhập thấp; 980.000 m² sàn nhà ở cho đối tượng tái định cư), và khoảng 385.000 m² sàn nhà ở công nhân.

Sử dụng nguồn vốn ngân sách có hiệu quả để xây dựng nhà ở xã hội giải quyết cho các hộ gia đình đặc biệt khó khăn về nhà ở, không thể thuê nhà ở xã hội do doanh nghiệp đầu tư xây dựng (không sử dụng vốn ngân sách), với tỷ lệ hợp lý so với nguồn vốn phát triển nhà ở trên toàn địa bàn thành phố và giảm dần theo từng giai đoạn (giai đoạn 2016 - 2020 tối đa 10% và giai đoạn 2021 - 2025 tối đa 5%).

3. Những định hướng và giải pháp thực hiện Chương trình:

3.1. Về định hướng:

a. Phát triển nhà ở gắn với phát triển đô thị thành phố trên quan điểm phát triển Vùng Thành phố Hồ Chí Minh với hệ thống giao thông công cộng hiện đại, đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng đô thị đồng bộ, hoàn chỉnh, chú trọng kết nối liên kết vùng.

b. Phát triển nhà ở đảm bảo phù hợp Quy hoạch xây dựng thành phố theo hướng đô thị thông minh, phát triển nhà ở theo hướng văn minh hiện đại, tiết kiệm năng lượng và phát triển bền vững, thích ứng biến đổi khí hậu.

c. Phát triển đa dạng các loại hình nhà ở, đẩy mạnh phát triển loại hình nhà ở chung cư, tăng tỷ trọng nhà cho thuê và khuyến khích phát triển nhà ở xã hội.

d. Chú trọng phát triển nhà ở dựa trên cơ sở chính trang, tái phát triển các khu vực đô thị hiện hữu.

3.2. Về giải pháp:

³ Theo Đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thành phố đến năm 2025, dự báo dân số toàn thành phố đến năm 2020 là 9,2 triệu người.

a. Nhóm giải pháp về cơ chế chính sách phát triển nhà ở:

Phát triển nhà ở đồng bộ với phát triển cơ sở hạ tầng, đặc biệt hạ tầng kỹ thuật giao thông và xã hội.

Từng bước chuyển đổi mô hình nhà ở thấp tầng sang nhà ở cao tầng hiện đại.

Khuyến khích phát triển loại hình nhà ở thương mại giá thấp và nhà ở cho thuê.

Cải cách thủ tục hành chính.

Giải pháp phát triển lành mạnh thị trường bất động sản nhà ở.

b. Nhóm giải pháp về phát triển nhà ở cho các nhóm đối tượng được hưởng chính sách về nhà ở xã hội.

c. Nhóm giải pháp về chỉnh trang và phát triển đô thị: thí điểm hợp nhất đồ án quy hoạch xây dựng đô thị và kế hoạch sử dụng đất để đơn giản hóa thủ tục hành chính; tiếp tục rà soát, điều chỉnh quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị phù hợp với tình hình phát triển kinh tế, xã hội thành phố. Đặc biệt là tiếp tục phân cấp, ủy quyền cho Ủy ban nhân dân quận, huyện đẩy nhanh tiến độ thực hiện Chương trình chỉnh trang và phát triển đô thị giai đoạn 2016 - 2020, cụ thể: việc thực hiện dự án cải tạo, sửa chữa xây dựng mới thay thế chung cư cũ; di dời nhà ở trên và ven kênh rạch; cải tạo chỉnh trang các khu dân cư hiện hữu trên địa bàn quận - huyện.

d. Nhóm giải pháp về khoa học - công nghệ: Đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin trong lĩnh vực quản lý, quy hoạch, đầu tư xây dựng, phát triển nhà ở; áp dụng các loại công nghệ mới, xây dựng hiện đại và sử dụng các loại vật liệu xây dựng thích hợp, thích ứng với biến đổi khí hậu, thân thiện môi trường.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức triển khai chương trình phát triển nhà ở Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2016-2025, trong đó lưu ý những vấn đề sau:

1. Cụ thể hóa các nhóm giải pháp theo hướng tăng tính định lượng, hướng dẫn chi tiết, đảm bảo tính khả thi trong việc thực hiện.

2. Nhóm giải pháp về chính sách ưu tiên, hạn chế phát triển nhà ở căn cứ điều kiện xã hội, hạ tầng kỹ thuật và thực trạng xây dựng nhà ở của từng khu vực cụ thể.

3. Trong quá trình triển khai, cần cập nhật tích hợp các nội dung liên quan tại đồ án Điều chỉnh quy hoạch Vùng Thành phố Hồ Chí Minh đến 2030, tầm nhìn 2050 (đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 2076/QĐ-TTg ngày 22 tháng

12 năm 2017) và tiếp tục rà soát nghiên cứu kết hợp với nội dung điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh, quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thành phố đang chuẩn bị thực hiện cũng như Chương trình phát triển đô thị của thành phố để đảm bảo tính đồng bộ.

4. Xây dựng cơ chế, xác định phạm vi và triển khai thực hiện thí điểm hợp nhất đồ án quy hoạch xây dựng đô thị và kế hoạch sử dụng đất trong năm 2019.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, các Ban, Tổ đại biểu, đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố phối hợp Hội đồng nhân dân các quận, huyện giám sát chặt chẽ quá trình tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh khóa IX, kỳ họp thứ chín thông qua ngày 12 tháng 7 năm 2018./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Quyết Tâm

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số 14/NQ-HĐND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 7 năm 2018

NGHỊ QUYẾT

Về nhiệm vụ kinh tế - văn hóa - xã hội 6 tháng cuối năm 2018

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH KHÓA IX KỲ HỌP THỨ CHÍN (Từ ngày 10 đến ngày 12 tháng 7 năm 2018)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân Thành phố về nhiệm vụ kinh tế - văn hóa - xã hội năm 2018;

Xét Tờ trình số 3011/TTr-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2018 và Tờ trình số 3012/TTr-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2018 của Ủy ban nhân dân thành phố; Báo cáo thẩm tra số 393/BC-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2018 và số 412/BC-HĐND ngày 09 tháng 7 năm 2018 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân thành phố và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố.

QUYẾT NGHỊ:

Hội đồng nhân dân thành phố tán thành báo cáo của Ủy ban nhân dân thành phố về kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội thành phố 6 tháng đầu năm 2018 và phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội thành phố 6 tháng cuối năm 2018.

Hội đồng nhân dân thành phố nhấn mạnh một số nội dung như sau:

I. Kết quả thực hiện nhiệm vụ kinh tế - văn hóa - xã hội 6 tháng đầu năm 2018

Kinh tế thành phố 6 tháng đầu năm 2018 tiếp tục tăng trưởng tích cực; tổng sản phẩm nội địa (GRDP) ước đạt 585.635 tỷ đồng, tăng 7,86% (cùng kỳ năm 2017 tăng

7,76%). Cơ cấu kinh tế thành phố tiếp tục tăng dần tỷ trọng các ngành dịch vụ, giá trị gia tăng lớn; tỷ trọng 9 nhóm ngành dịch vụ chủ yếu chiếm tỷ trọng cao nhất 57,6% trong GRDP. Thu ngân sách đạt 48,69% dự toán, tăng 8% so cùng kỳ, trong đó thu nội địa đạt 47,4% dự toán, tăng 11,7% so cùng kỳ.

Tổng vốn đầu tư toàn xã hội đạt hơn 163,9 ngàn tỷ đồng, tăng 11,7% so với cùng kỳ (cùng kỳ tăng 9,5%); 21.487 doanh nghiệp được cấp phép thành lập mới (trong đó có 1.577 hộ kinh doanh cá thể chuyển đổi lên doanh nghiệp), tăng 7,2% so cùng kỳ; tổng số vốn đăng ký mới giảm 8,5% so cùng kỳ. Đầu tư trực tiếp nước ngoài đạt 4,18 tỷ đô-la Mỹ (tăng 44,1% so với cùng kỳ).

Công tác quản lý đô thị được tập trung chỉ đạo; đã rà soát, đánh giá tính khả thi các đề án quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000 để điều chỉnh phù hợp với thực tế tình hình phát triển kinh tế - xã hội. Việc cung cấp nước sạch đáp ứng yêu cầu sử dụng của người dân trên địa bàn. Thành phố đang nỗ lực triển khai đồng bộ nhiều giải pháp để triển khai Đề án Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh trở thành đô thị thông minh giai đoạn 2017 - 2020, tầm nhìn đến năm 2025; xây dựng đề án thành lập Khu đô thị sáng tạo phía Đông thành phố; tập trung đẩy mạnh 7 chương trình đột phá gắn với việc nghiên cứu, xây dựng và triển khai các đề án nhằm cụ thể hóa việc thực hiện Nghị quyết số 54/2017/QH14 ngày 24 tháng 11 năm 2017 của Quốc hội về thí điểm cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh nhằm tạo động lực cho Thành phố phát triển bền vững.

Lĩnh vực văn hóa - xã hội được triển khai có kết quả, nhiều hoạt động lễ hội tạo được không khí sôi động, vui tươi, lành mạnh thu hút khách du lịch trong và ngoài nước. Thể dục thể thao quần chúng ngày càng phát triển tạo thành nếp sinh hoạt của khá đông người dân thành phố. Giáo dục và đào tạo thành phố tiếp tục được quan tâm, tiếp tục triển khai chương trình kiên cố hóa trường lớp, nâng cao chất lượng cơ sở vật chất và thiết bị trường học nhất là khối mầm non. Một số công trình y tế hoàn thành đưa vào sử dụng góp phần giảm tải bệnh viện; công tác đảm bảo an toàn thực phẩm được chú trọng với nhiều giải pháp triển khai có hiệu quả. Thực hiện tốt các chính sách đảm bảo an sinh xã hội.

Tình hình quốc phòng - an ninh, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo: các lễ hội, sự kiện chính trị quan trọng tổ chức tại thành phố được đảm bảo an toàn tuyệt đối; công tác phòng chống tội phạm được tập trung chỉ đạo góp phần đảm bảo trật tự an toàn xã hội; trật tự an toàn giao thông được quan tâm, kéo giảm 1% so cùng kỳ. Tình hình phòng, chống cháy nổ được chấn chỉnh; tiếp tục nâng cao công tác tuyên truyền,

thực hiện các quy định về phòng, chống cháy nổ, nhất là tại các chung cư cao tầng.

Hoạt động thanh tra, tiếp công dân, xử lý đơn, giải quyết khiếu nại, tố cáo được tập trung, đảm bảo tiến độ, tỷ lệ giải quyết đơn đạt 96,78%.

Tuy nhiên, tình hình kinh tế - xã hội thành phố vẫn còn nhiều khó khăn, thách thức; tăng trưởng ngành công nghiệp giảm, đạt thấp hơn so với cùng kỳ; xuất khẩu và thu hút đầu tư nước ngoài của thành phố chưa được cải thiện tốt, tỷ lệ nhập siêu có xu hướng tăng cao. Các hoạt động lôi kéo tụ tập đông người, có hành động chống phá, gây mất trật tự an toàn xã hội của các thế lực phản động dù được kịp thời xử lý có hiệu quả, nhanh chóng ổn định tình hình nhưng vẫn ít nhiều ảnh hưởng đến môi trường thu hút đầu tư của thành phố; vốn tập trung vào đầu tư phát triển còn thấp, số dự án đầu tư nước ngoài tuy tăng nhưng quy mô đầu tư còn nhỏ (trung bình chỉ khoảng 01 triệu đô la Mỹ/dự án). Các vấn đề về quản lý đô thị (ngập nước, quản lý tài nguyên đất, quản lý xây dựng, ùn tắc giao thông, ô nhiễm môi trường,...) vẫn là những vấn đề bức xúc được người dân đặc biệt quan tâm, nhiều dự án triển khai đầu tư nhưng tiến độ thực hiện còn chậm, cần nghiên cứu thực hiện nhiều giải pháp đồng bộ để giải quyết có hiệu quả hơn; tình trạng xây dựng không phép, sai phép vẫn diễn biến phức tạp. Tình trạng vi phạm an toàn vệ sinh thực phẩm vẫn còn xảy ra; còn nhiều khó khăn, vướng mắc liên quan đến cơ chế, chính sách, cơ sở vật chất chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ của Ban Quản lý an toàn thực phẩm thành phố cần được quan tâm tháo gỡ. Tình hình tội phạm có xu hướng giảm nhưng tính chất táo bạo hơn, phức tạp hơn, tinh vi hơn và mở rộng đối tượng thông qua mạng internet;... cần tiếp tục có những giải pháp mạnh mẽ để kiểm soát và ngăn ngừa hiệu quả hơn. Công tác quản lý nhà nước về phòng cháy, chữa cháy tại một số đơn vị, địa bàn vẫn còn hạn chế.

II. Nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội 6 tháng cuối năm 2018

Hội đồng nhân dân thành phố cơ bản thống nhất với những nhiệm vụ trọng tâm và các giải pháp đã được Ủy ban nhân dân thành phố trình tại kỳ họp. Trong quá trình chỉ đạo điều hành thực hiện nhiệm vụ kinh tế - văn hóa - xã hội trong 6 tháng cuối năm 2018, Ủy ban nhân dân thành phố tiếp tục tập trung chỉ đạo, điều hành các nội dung trọng tâm sau:

1. Tiếp tục chỉ đạo triển khai, thực hiện có hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp về phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội năm 2018 theo Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân thành phố khóa IX. Trong đó, tập trung những giải pháp mạnh mẽ, quyết liệt và cụ thể để sớm khắc

phục các mặt còn tồn tại, hạn chế trong 6 tháng đầu năm góp phần hoàn thành các chỉ tiêu Nghị quyết đề ra.

2. Tiếp tục và khẩn trương xây dựng kịp thời các đề án, cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố; tập trung nguồn lực (nhân lực, tài lực, vật lực) để triển khai, thực hiện thành công Nghị quyết số 54/2017/QH14 ngày 24 tháng 11 năm 2017 của Quốc hội về thí điểm cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh giúp Thành phố phát triển nhanh và bền vững.

3. Phát huy mạnh mẽ sức sáng tạo của toàn hệ thống chính trị và Nhân dân thành phố, đổi mới mạnh mẽ, quyết liệt cách thức triển khai 7 chương trình đột phá. Phát huy nhanh, hiệu quả nguồn lực đất đai và nguồn vốn xã hội để phát triển kinh tế, triển khai quyết liệt các giải pháp thực hiện Thông báo số 270/TB-HĐND ngày 24 tháng 5 năm 2018 của Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố về hiệu quả huy động và sử dụng các nguồn lực để đầu tư phát triển thành phố.

4. Tiếp tục triển khai các giải pháp nâng cao năng lực cạnh tranh của kinh tế thành phố; đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động, sức cạnh tranh của nền kinh tế; cơ cấu lại, đổi mới và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước; hỗ trợ các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo.

5. Hoàn thành xây dựng danh mục sản phẩm chủ lực và chính sách phát triển sản phẩm chủ lực của thành phố. Cuối năm 2018 xây dựng thêm một khu công nghiệp với những hoạt động và ứng dụng phát triển công nghiệp công nghệ cao.

6. Đẩy nhanh công tác đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. Tiếp tục tăng cường thu hồi, đấu giá quyền sử dụng đất phục vụ cho nhu cầu đầu tư trên địa bàn thành phố. Tạo bước chuyển biến trong kêu gọi đầu tư các dự án chính trang đô thị (khẩn trương triển khai Dự án cải tạo rạch Xuyên tâm, quận Bình Thạnh theo phương thức xã hội hóa, kêu gọi đầu tư). Xây dựng cơ chế đặc thù rút ngắn thời gian các khâu trong công tác bồi thường giải phóng mặt bằng tái định cư. Tập trung chỉ đạo quyết liệt các sở, ngành, quận, huyện tích cực đẩy mạnh công tác bồi thường giải phóng mặt bằng, tái định cư nhằm sớm hoàn thành các công trình trọng điểm đưa vào sử dụng, tránh lãng phí. Thực hiện thường xuyên công tác quan trắc các chỉ tiêu môi trường, giám sát chất lượng môi trường thành phố. Khẩn trương, đẩy mạnh triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 11 tháng 6 năm 2017 của Hội đồng nhân dân thành phố về công tác bảo vệ môi trường đô thị, khu dân cư và quản lý chất thải trên địa bàn thành phố. Quan tâm, kiểm tra thường xuyên công tác trang bị bảo hộ lao

động cho công nhân vệ sinh và thoát nước, những người phải làm việc trong môi trường ô nhiễm, độc hại.

7. Bảo đảm an sinh xã hội và phúc lợi xã hội, chăm lo đời sống nhân dân; sâu sát nắm bắt kịp thời tâm tư, nguyện vọng của các tầng lớp nhân dân. Thực hiện quy hoạch và công khai danh mục các khu vực và điểm di tích bảo tồn; tiếp tục nghiên cứu và có chính sách đối với hoạt động bảo tàng, bảo tồn di sản văn hóa; đầu tư xây dựng mới các cơ sở vật chất phục vụ các loại hình nghệ thuật và thể dục thể thao trên địa bàn thành phố. Sơ kết đánh giá để chuẩn bị cơ sở vật chất trường lớp phục vụ năm học 2018-2019. Tiếp tục đẩy mạnh xã hội hóa trong lĩnh vực y tế, khuyến khích hợp tác công tư để phát triển y tế và nâng cao chất lượng phục vụ nhu cầu khám, chữa bệnh của người dân. Chú trọng công tác đào tạo nghề chất lượng cao; liên kết, đồng hành với doanh nghiệp trong đào tạo nghề và quan tâm giải quyết việc làm cho người lao động thuộc hộ nghèo, cận nghèo.

8. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước, phổ biến và triển khai thực hiện Nghị quyết số 02/NQ-HĐND ngày 15 tháng 3 năm 2018 của Hội đồng nhân dân thành phố về “Công tác cải cách hành chính, nâng cao sự hài lòng của người dân và tổ chức về dịch vụ hành chính công trên địa bàn thành phố”; tiếp tục thực hiện rà soát, kiện toàn tổ chức bộ máy và hoàn thiện các nội dung về ủy quyền quản lý cán bộ, công chức, viên chức. Thực hiện các giải pháp quyết liệt nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI), chỉ số cải cách hành chính (PAR-index); thống nhất quy trình đơn giản hóa thủ tục hành chính, công khai, minh bạch, rút ngắn thời gian, giảm chi phí thực hiện các thủ tục cho doanh nghiệp, tổ chức và công dân gắn với xử lý trách nhiệm cá nhân người đứng đầu; tổ chức đánh giá sự hài lòng của người dân và doanh nghiệp đối với sự quản lý của các cơ quan quản lý hành chính công với sự tham gia giám sát của Mặt trận Tổ quốc thành phố. Đẩy mạnh công tác phòng chống tham nhũng, lãng phí, thực hành tiết kiệm; thực hiện thanh tra công vụ, kiểm soát các đầu mối công việc trong nội bộ cơ quan chuyên môn thành phố, Ủy ban nhân dân các cấp.

9. Tiếp tục quan tâm thực hiện tốt công tác tiếp công dân; tập trung giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo và kiến nghị của công dân; trong đó cần tập trung chỉ đạo, xử lý dứt điểm các vụ việc khiếu kiện, khiếu nại kéo dài, nhất là những vấn đề liên quan đến công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng trên địa bàn, đặc biệt là đối với Khu đô thị mới Thủ Thiêm và Khu công nghệ cao thành phố.

10. Đảm bảo an toàn tuyệt đối các ngày lễ, tết và sự kiện chính trị quan trọng.

Triển khai đồng bộ các giải pháp phòng ngừa đấu tranh các loại tội phạm trên địa bàn; khơi dậy và phát huy sức mạnh nhân dân trong phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.

III. Về thực hiện Nghị quyết số 01/2018/NQ-HĐND ngày 16 tháng 3 năm 2018 của Hội đồng nhân dân thành phố

Hội đồng nhân dân thành phố chấp thuận chậm thực hiện thu phí sử dụng tạm thời lòng đường để đỗ xe ô tô trên địa bàn thành phố theo Nghị quyết số 01/2018/NQ-HĐND ngày 16 tháng 3 năm 2018 của Hội đồng nhân dân thành phố đến ngày 01 tháng 8 năm 2018 (thay vì từ ngày 01 tháng 6 năm 2018) theo đề nghị của Ủy ban nhân dân thành phố tại Tờ trình số 3011/TTr-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2018. Các nội dung khác vẫn thực hiện đúng theo Nghị quyết số 01/2018/NQ-HĐND ngày 16 tháng 3 năm 2018 của Hội đồng nhân dân thành phố.

Đề nghị Ủy ban nhân dân thành phố chỉ đạo triển khai công tác thông tin, truyền thông để người dân hiểu đúng và thực hiện nghiêm túc tinh thần Nghị quyết số 01/2018/NQ-HĐND ngày 16 tháng 3 năm 2018 của Hội đồng nhân dân thành phố; rà soát và hoàn thiện các quy định phục vụ tốt cho công tác quản lý về đỗ xe và thu phí; thường xuyên kiểm tra tiến độ thực hiện và kịp thời chỉ đạo tháo gỡ khó khăn trong quá trình triển khai.

IV. Tổ chức thực hiện

Hội đồng nhân dân thành phố giao Ủy ban nhân dân thành phố có kế hoạch triển khai, tập trung chỉ đạo, điều hành các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các cấp phối hợp chặt chẽ bảo đảm thực hiện thắng lợi Nghị quyết này.

Thường trực, các Ban, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố phối hợp giám sát, đôn đốc việc tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố, các tổ chức thành viên tăng cường giám sát; các cơ quan báo chí tuyên truyền, phổ biến động viên các thành phần kinh tế, các tầng lớp nhân dân tích cực thực hiện Nghị quyết; kịp thời phát hiện, phản ánh những vấn đề cần điều chỉnh bổ sung với các cơ quan có thẩm quyền.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố khóa IX, kỳ họp thứ chín thông qua ngày 12 tháng 7 năm 2018./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Quyết Tâm

VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 86 Lê Thánh Tôn, quận 1

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: tcb.ubnd@tphcm.gov.vn

Website: www.congbao.hochiminhcity.gov.vn

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng